

**KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO**

1. **Nghề đào tạo:** Quản trị kinh doanh (Business Administration)  
Mã nghề: 6340404
2. **Trình độ đào tạo:** Cao đẳng
3. **Đối tượng tuyển sinh:** Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
4. **Mục tiêu đào tạo:**

**4.1. Mục tiêu chung**

- Đào tạo cử nhân thực hành ngành Quản trị kinh doanh có tư duy kinh tế, kinh doanh tổng hợp; nắm vững và đáp ứng được yêu cầu của các quy luật kinh tế thị trường và những đặc điểm của sản xuất, lưu thông hàng hóa, hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ ở trong nước.

- Có hiểu biết cả lý luận và thực tế chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, trên cơ sở hệ thống lý luận và thực tiễn được trang bị, có khả năng hoạt động độc lập hoặc phối hợp hoạt động theo nhóm; có phong cách làm việc chuyên nghiệp, có tầm nhìn sâu rộng và kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn đào tạo.

- Có những kiến thức nền tảng để có thể học liên thông ở các bậc học cao hơn thuộc các khối ngành Kinh tế - Quản trị kinh doanh.

**4.2. Mục tiêu cụ thể****4.2.1. Kiến thức**

- Trình bày được khái niệm cơ bản trong lĩnh vực kinh doanh, hành chính, nhân sự, marketing, trợ lý;

- Giải thích được các quyền và nghĩa vụ của người lao động theo Luật lao động;

- Xác định được nội dung và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động của tổ chức;

- Liệt kê được các trách nhiệm và nhiệm vụ của bản thân khi làm việc nhóm;

- Xác định được cơ cấu tổ chức bộ máy phù hợp với loại hình tổ chức;

- Giải thích và phân tích được hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức;
- Xác định được quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Xác định được quy trình thực hiện công việc, nhật ký công việc;
- Mô tả được quy trình và cách thức thực hiện công việc trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Giải thích được các quy luật kinh tế, các biến số môi trường kinh doanh tác động đến hoạt động của tổ chức;
- Cập nhật được các quy định, chính sách về hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

#### **4.2.2. Kỹ năng**

- Lập được kế hoạch thực hiện công việc;
- Vận hành được hệ thống tiêu thụ sản phẩm sẵn có tại đơn vị một cách hiệu quả;
- Dự báo và tìm kiếm được cơ hội kinh doanh;
- Lập được báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức;
- Cung cấp được các thông tin kinh tế - xã hội về hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị để phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế ở đơn vị và các cơ quan quản lý có liên quan;
- Xác định được chiến lược kinh doanh tại đơn vị bộ phận;
- Tham mưu cho lãnh đạo những ý kiến cải tiến công tác quản trị phù hợp với từng giai đoạn kinh doanh;
- Thiết lập được mối quan hệ giữa đơn vị với các đối tác;
- Giải quyết được những khiếu nại, thắc mắc của khách hàng trong mọi trường hợp;
- Tạo lập và khởi nghiệp được tổ chức mới với quy mô vừa và nhỏ;
- Tổ chức thực hiện được các biện pháp vệ sinh an toàn lao động;
- Phát hiện và đề phòng được rủi ro và môi nguy hại tại nơi làm việc;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

#### **4.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối chính sách của Đảng và pháp luật nhà nước, nội qui làm việc tại doanh nghiệp, đơn vị;

- Giao tiếp hiệu quả thông qua văn bản viết, thuyết trình, thảo luận và làm chủ tình huống;

- Có ý thức trách nhiệm trong công việc với cộng đồng xã hội; có tinh thần cầu tiến, ham học hỏi, có ý thức tự nghiên cứu, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn để nâng cao trình độ;

- Hỗ trợ được các thành viên trong nhóm hay bộ phận để đảm bảo đạt mục tiêu đã đề ra;

- Làm việc theo chuẩn đạo đức nghề nghiệp và tuân thủ đúng Luật doanh nghiệp, Luật lao động, chuẩn mực đạo đức trong kinh doanh;

- Làm việc có phương pháp khoa học có tính tổ chức kỷ luật và trách nhiệm với công việc; biết phân tích, giải quyết vấn đề, đúc kết kinh nghiệm, cải tiến công việc được giao; có tinh thần cầu tiến, ham học hỏi, biết đoàn kết và phối hợp, hợp tác, tự tin, sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm với đồng nghiệp trong công việc;

- Thích nghi được với môi trường làm việc khác nhau;

- Ý thức trách nhiệm, tự giác tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường;

- Thích ứng được với sự thay đổi trong các thời kỳ công nghệ 4.0.

#### **4.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Nhân sự;

- Kinh doanh;

- Hành chính;

- Marketing;

- Trợ lý.

#### **4.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ**

- Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề quản trị kinh doanh, trình độ cao đẳng có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành, nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

**5. Khóa học:** Khóa 16

**6. Thời gian khóa học:** 3 năm (từ tháng 10/2022 đến tháng 10/2025).

**7. Thời gian học tập:** 126 tuần. Trong đó:

- Thời gian học tập: 36 tuần x 3 năm = 108 tuần

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học/mô-đun: 6 tuần x 3 năm = 18 tuần.

**8. Thời gian khai, bế giảng, nghỉ lễ, nghỉ hè và dự phòng:** 30 tuần.

- Thời gian nghỉ hè: 8 tuần x 2 năm = 16 tuần

- Thời gian nghỉ tết: 2 tuần x 3 năm = 6 tuần

- Thời gian cho các hoạt động khác (dự trữ, nghỉ lễ, sinh hoạt chính trị, khai giảng, bế giảng): 8 tuần

**9. Quyết định phê duyệt chương trình:** Chương trình đào tạo ban hành theo Quyết định số 337/QĐ-CĐCĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng.

## I. LỊCH HỌC TOÀN KHÓA

Tháng	Từ tháng 10/2022 – 10/2025												
Tuần	1	2	3	4	5	.....			48	49	50	51	52
Năm học	2022 - 2023; 2023 – 2024; 2024 - 2025												
I	x	x	x	x	x	.....			x	x	x	x	x
II	x	x	x	x	x	.....			x	x	x	x	x
III	x	x	x	x	x	.....			x	x	x	x	x

## II. PHÂN BỐ THỜI GIAN HỌC TẬP

TT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ			Số giờ				Kế hoạch giảng dạy						
			TS	Trong đó		TS	LT	Trong đó			Năm 1		Năm 2		Năm 3	
				LT	TH			TH/ TL/ TN/ BTL	Thi/ KT	Học kỳ 1 (giờ)	Học kỳ 2 (giờ)	Học kỳ 3 (giờ)	Học kỳ 4 (giờ)	Học kỳ 5 (giờ)	Học kỳ 6 (giờ)	
1	CT011	Giáo dục chính trị	4	3	1	75	41	29	5	I						
2	PL001	Pháp luật	2	2	0	30	18	10	2	I						
3	TC001	Giáo dục thể chất	2	0	2	60	5	51	4	I						
4	TH001	Tin học	3	1	2	75	15	58	2	I						
5	TA001	Tiếng Anh 1	2	1	1	60	21	36	3	I						
6	KT004	Kinh tế vi mô	2	1	1	45	15	28	2	I						
7	QP011	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	2	1	75	36	35	4		II					
8	TA022	Tiếng Anh 2	2	1	1	60	21	36	3		II					
9	KT002	Luật kinh tế	2	2	0	30	18	10	2		II					
10	KT006	Tài chính tiền tệ	2	1	1	45	15	28	2		II					
11	KT024	Marketing căn bản	2	1	1	45	15	28	2		II					
12	KT025	Kinh tế vĩ mô	2	1	1	45	15	28	2		II					
13	KT033	Quản trị học	2	1	1	45	15	28	2		II					
14	KT005	Nguyên lý thống kê	2	1	1	45	15	28	2		II					
15	KT081	Khởi tạo doanh nghiệp	2	1	1	45	15	28	2			III				
16	KT038	Kinh doanh quốc tế	2	1	1	45	15	28	2			III				
17	KT043	Anh văn chuyên ngành	3	2	1	60	30	26	4			III				

TT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ			Số giờ				Kế hoạch giảng dạy						
			TS	Trong đó		TS	LT	TH/ TL/ TN/ BTL	Thi/ KT	Năm 1		Năm 2		Năm 3		
				LT	TH					Học kỳ 1 (giờ)	Học kỳ 2 (giờ)	Học kỳ 3 (giờ)	Học kỳ 4 (giờ)	Học kỳ 5 (giờ)	Học kỳ 6 (giờ)	
18	KT048	Nghiên cứu Marketing	2	1	1	45	15	28	2							
19	KT050	Quản trị nhân lực	2	1	1	45	15	28	2							
20		Tự chọn 1	2	1	1	45	15	28	2							
21	KT007	Nguyên lý kế toán	3	2	1	60	30	27	3							
22	KT055	Nghiệp vụ thanh toán quốc tế	2	1	1	45	15	28	2							
23	KT009	Thuế	2	1	1	45	15	28	2							
24	KT082	Tài chính doanh nghiệp	3	2	1	60	30	27	3							
25	KT030	Thống kê doanh nghiệp	2	1	1	45	15	28	2							
26	KT044	Quản trị Marketing	2	1	1	45	15	28	2							
27	KT049	Quản trị văn phòng	2	1	1	45	15	28	2							
28	KT051	Quản trị sản xuất	2	1	1	45	15	28	2							
29		Tự chọn 2	2	1	1	45	15	28	2							
30	KT089	Quản trị rủi ro	2	1	1	45	15	28	2							
31	KT083	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	2	1	60	30	27	3					V		
32	KT039	Quản trị chất lượng	2	1	1	45	15	28	2					V		
33	KT046	Quản trị dự án đầu tư	2	1	1	45	15	28	2					V		
34	KT052	Quản trị chiến lược	2	1	1	45	15	28	2					V		
35	KT053	Thực hành nghề nghiệp	3	0	3	135	0	130	5					V		

TT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ				Số giờ				Kế hoạch giảng dạy							
			TS	Trong đó		TS	Trong đó			Năm 1		Năm 2		Năm 3				
				LT	TH		LT	TH/ TL/ TN/ BTL	Thi/ KT	Học kỳ 1 (giờ)	Học kỳ 2 (giờ)	Học kỳ 3 (giờ)	Học kỳ 4 (giờ)	Học kỳ 5 (giờ)	Học kỳ 6 (giờ)			
36		Tự chọn 3	2	1	1	45	15	28	2									
37	KT054	Thực tập tốt nghiệp + khóa luận TN	5	0	5	225	5	220	0									
<b>Tổng cộng</b>			<b>86</b>	<b>43</b>	<b>43</b>	<b>2.100</b>	<b>645</b>	<b>1.366</b>	<b>89</b>	<b>345</b>	<b>390</b>	<b>345</b>	<b>375</b>	<b>420</b>	<b>420</b>	<b>VI</b>	<b>225</b>	

Kế hoạch đào tạo có thể điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế./.

**Nơi nhận:**

- HT, các PHT (chỉ đạo);
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc (thực hiện);
- Đăng website của Trường;
- Lưu: VT, TSĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Nguyễn Văn Tâm**